

Số: 3471/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung
xã Muối Nội, tỉnh Sơn La đến năm 2045**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định về định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Kế hoạch lập quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2025 - 2030;

Theo đề nghị của UBND xã Muối Nội tại Tờ trình số 140/TTr-UBND ngày 26/12/2025; Báo cáo thẩm định số 1368/BC-SXD ngày 25/12/2025; Kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh tại Báo cáo số 1132/BC-VPUB ngày 31/12/2025 của Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xã Muối Nội, tỉnh Sơn La đến năm 2045 với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

1.1. Vị trí lập quy hoạch

- Phía Bắc giáp: Xã Thuận Châu, Tỉnh Sơn La.
- Phía Nam giáp: Xã Phiêng Cầm, Tỉnh Sơn La.
- Phía Đông giáp: Các Phường Chiềng An, Chiềng Cơi và xã Mường Chanh, Tỉnh Sơn La.
- Phía Tây giáp: Xã Nậm Lâu và xã Nậm Ty, Tỉnh Sơn La.

1.2. Phạm vi, quy mô lập quy hoạch

- Đồ án Quy hoạch chung xã Muối Nọi, tỉnh Sơn La đến năm 2045 được lập cho toàn bộ địa giới hành chính của xã Muối Nọi, tỉnh Sơn La. Xã Muối Nọi là đơn vị hành chính mới được hình thành trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của Xã Muối Nọi (cũ), Xã Bản Lầm và Xã Bon Phặng theo Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Phạm vi lập quy hoạch chung xã Muối Nọi, tỉnh Sơn La đến năm 2045 bao gồm: Toàn bộ địa giới hành chính xã Muối Nọi với diện tích tự nhiên là 12.870ha, gồm có 21 bản với 3.282 hộ dân và 15.633 nhân khẩu. Xã cách trung tâm tỉnh Sơn La khoảng 18 km.

- Quy mô lập quy hoạch là 12.870ha, quy mô dân số dự báo từ năm 2025 đến năm 2045 ước khoảng 19.075 người.

2. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

2.1. Quan điểm lập quy hoạch: Quy hoạch chung xã Muối Nọi đến năm 2045 phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế xã hội 10 năm giai đoạn 2025-2045; phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch khác có liên quan. Đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ giữa các ngành, phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực, tính khả thi trong triển khai; đáp ứng các nhu cầu trong giai đoạn hiện nay và tạo nền tảng phát triển cho các giai đoạn kế tiếp. Đánh giá đầy đủ các điều kiện tự nhiên kinh tế, xã hội trong xã, trong tỉnh có tác động trực tiếp đến phát triển của xã, mối liên kết các xã trong khu vực, trong tỉnh, trước hết là kết nối hạ tầng giao thông, quản lý tài nguyên.

2.2. Mục tiêu lập quy hoạch

- Phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Sơn La, tạo điều kiện chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp, tiết kiệm trong đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, dịch vụ, xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, môi trường sinh thái được bảo vệ, quốc phòng và an ninh, trật tự ổn định, đáp ứng các tiêu chí phát triển bền vững;

- Hoạch định phát triển không gian cảnh quan xã Muối Nọi toàn diện đáp ứng các yêu cầu của Chính phủ trong Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Là cơ sở để triển khai các quy hoạch chi tiết, xây dựng các khu chức năng, thu hút các dự án đầu tư phát triển, chỉnh trang các khu dân cư hiện có, phát triển khu dân cư mới, khu thương mại - dịch vụ.

- Là cơ sở để ưu tiên đầu tư các công trình trọng điểm, có tính chất liên vùng, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội có cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, gắn nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; phát triển xã hội dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng và an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao.

3. Tính chất, vai trò, chức năng khu vực lập quy hoạch: Phát triển xã Muối Nội có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với du lịch thăm quan trải nghiệm, du lịch cộng đồng, phát triển nông thôn theo hướng dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng và an ninh, trật tự được giữ vững.

4. Sơ bộ dự báo phát triển

4.1. Dự báo quy mô dân số: Dự báo dân số của xã đến năm 2045 khoảng 19.075 người (*tỷ lệ tăng dân số trung bình 1%/năm*).

4.2. Dự báo lao động: Dự báo lao động trên địa bàn xã đến năm 2045 chiếm khoảng 70% tổng dân số, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 60%.

4.3. Dự báo đất đai

Dự báo đất cho nhu cầu phát triển xây dựng đến năm 2045:

- Diện tích đất xây dựng toàn xã hiện trạng khoảng: 470ha.
- Dự báo đến năm 2030 Diện tích đất xây dựng khoảng: 500ha.
- Dự báo đến năm 2045 Diện tích đất xây dựng khoảng: 580ha.

4.4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật: Thực hiện theo QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng và các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan (*Trường hợp trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng và các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan được cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định chuyển tiếp được quy định hoặc rà soát, thực hiện theo quy chuẩn, tiêu chuẩn mới được ban hành*).

5. Các yêu cầu cần nghiên cứu đối với nội dung quy hoạch

5.1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội

- Điều kiện tự nhiên như đặc điểm địa lý, địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy

văn, thổ nhưỡng, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản;

- Dân số (*số hộ dân, cơ cấu dân số, cơ cấu lao động, đặc điểm phát triển*), đặc điểm về văn hóa và phân bố dân cư;

- Phát triển kinh tế trong các lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp; đánh giá thế mạnh, tiềm năng và các hạn chế trong phát triển kinh tế;

- Đánh giá những tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu ngập, úng, lũ ống, lũ quét có thể xảy ra trên địa bàn; các giải pháp quy hoạch để ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu;

- Hiện trạng sử dụng đất và biến động từng loại đất (lưu ý các vấn đề về sử dụng và khai thác đất nông nghiệp; những vấn đề tồn tại trong việc sử dụng đất đai);

- Hiện trạng về nhà ở, công trình công cộng, đất cây xanh công cộng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, môi trường, các công trình tôn giáo, tín ngưỡng;

- Rà soát, đánh giá các công trình di tích, danh lam, thắng cảnh du lịch; khu vực thuận lợi, ít thuận lợi, không thuận lợi cho phát triển của xã;

- Đánh giá tổng thể hiện trạng nghĩa trang trên địa bàn xã bao gồm: Nghĩa trang các bản, nghĩa trang xã; đánh giá tỷ lệ lấp đầy, khả năng đáp ứng trong giai đoạn tới và các tác động về cự ly khoảng cách, cảnh quan, vệ sinh môi trường của các nghĩa trang hiện có...; đề xuất giải pháp quy hoạch đối với các nghĩa trang trên địa bàn gồm: quy hoạch mới, quy hoạch mở rộng hoặc đóng cửa một số nghĩa trang nhỏ lẻ tại các bản không đảm bảo vệ sinh, cảnh quan môi trường;

- Xác định và đánh giá các yếu tố tác động của vùng xung quanh ảnh hưởng đến phát triển không gian trên địa bàn xã;

- Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch nông thôn mới của xã; làm rõ kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, các nội dung chưa phù hợp, nguyên nhân chủ quan, khách quan của tồn tại, hạn chế, chưa phù hợp của đồ án quy hoạch nông thôn mới đã được phê duyệt.

5.2. Xác định động lực và tiềm năng phát triển của xã

- Điều kiện tự nhiên và tài nguyên: Các điều kiện về đất đai, khí hậu, nguồn nước, cảnh quan môi trường, ... để định hướng phát triển nông nghiệp chuyên canh, du lịch sinh thái, phát triển kinh tế nông lâm kết hợp, ...;

- Vị trí địa lý và kết nối vùng: Xác định tiềm năng về hệ thống giao thông, tiếp giáp các khu đô thị, khu công nghiệp, chợ đầu mối, ... làm cơ sở xác định phát triển cụm công nghiệp nông thôn, dịch vụ hậu cần nông nghiệp, logistics nông sản, ...;

- Lực lượng lao động và nguồn nhân lực: Các tiềm năng về lao động và nguồn lao động, khả năng chuyển đổi ngành nghề tạo điều kiện cho phát triển làng nghề, hợp tác xã nông nghiệp, ...;

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ xã hội: Tiềm năng về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội làm cơ sở thu hút đầu tư, phục vụ sản xuất và cải thiện chất

lượng cuộc sống, ...;

- Văn hóa – xã hội và cộng đồng: Tiềm năng về bản sắc văn hóa dân tộc, lễ hội, sự đoàn kết của các dân tộc làm cơ sở phát triển du lịch cộng đồng, bảo tồn văn hóa các dân tộc;

- Chính sách và hỗ trợ từ nhà nước: Xác định xã có nằm trong các vùng quy hoạch trọng điểm để được ưu tiên đầu tư từ ngân sách và các chương trình mục tiêu.

5.3. Dự báo phát triển kinh tế

- Dự báo phát triển kinh tế của xã về nông nghiệp; Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; Thương mại, dịch vụ, du lịch;

- Dự báo quy mô dân số, lao động, số hộ cho giai đoạn quy hoạch 20 năm;

- Dự báo nhu cầu sử dụng đất cho các loại đất nông nghiệp, đất xây dựng;

- Dự báo các vấn đề về môi trường trong thời kỳ quy hoạch;

- Dự báo các rủi ro biến động và thảm họa thiên nhiên.

5.4. Phân vùng phát triển và yêu cầu quản lý: Việc phân vùng dựa trên các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, dân cư, hạ tầng và định hướng phát triển.

5.5. Định hướng phát triển không gian

- Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã, khu dân cư mới và cải tạo thôn;

- Xác định quy mô dân số, tính chất, nhu cầu đất ở cho từng khu dân cư mới và thôn;

- Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ; xác định vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, thôn;

- Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và các thôn; xác định các chỉ tiêu quy hoạch, định hướng kiến trúc cho từng loại hình ở phù hợp với đặc điểm của địa phương;

- Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất thương mại dịch vụ, du lịch, khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp;

- Định hướng tổ chức kết hợp các khu chức năng khác trên địa bàn xã tuân thủ quy hoạch cấp trên, quy hoạch ngành, khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn (nếu có);

- Quy hoạch, bố trí các khu chức năng đảm bảo tiết kiệm đất đai, thuận tiện cho giao thông, sản xuất, sinh hoạt, tận dụng điều kiện địa hình, cảnh quan tự nhiên, phù hợp với bản sắc văn hoá, tập quán của vùng.

5.6. Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn: Xây dựng quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.

5.7. Định hướng quy hoạch sử dụng đất: Quy hoạch các loại đất trên địa bàn xã cập nhật phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh. Xác định diện tích đất cho nhu cầu phát triển theo các giai đoạn và các thông số kỹ thuật chính cho từng loại đất, cụ thể: đất nông nghiệp, đất xây dựng và các loại đất khác.

5.8. Định hướng quy hoạch phát triển sản xuất

5.8.1. Định hướng phát triển nông nghiệp

a) *Về trồng trọt:* Phát triển ngành trồng trọt theo hướng bền vững, hiệu quả, hiện đại và thân thiện với môi trường; tạo ra sản phẩm hàng hóa chất lượng cao, an toàn thực phẩm, có giá trị gia tăng lớn, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu; góp phần bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và nâng cao thu nhập cho nông dân;

- Chuyển dịch cơ cấu cây trồng, định hướng các loại cây trồng mang lại hiệu quả và giá trị, quy hoạch vùng sản xuất tập trung;

- Ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất;

- Phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn.

b) Về chăn nuôi

- Phát triển ngành chăn nuôi theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và bền vững; đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, thân thiện môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh; đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu, góp phần ổn định sinh kế và phát triển kinh tế nông thôn.

- Chuyển dịch cơ cấu ngành chăn nuôi: giảm chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán chuyển sang mô hình chăn nuôi trang trại, gia trại và hợp tác xã;

- Phát triển chăn nuôi công nghiệp, chăn nuôi hữu cơ và sinh thái;

- Cơ cấu vật nuôi phù hợp với nhu cầu thị trường và lợi thế vùng;

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi: các phần mềm quản lý trại nuôi, hệ thống truy xuất nguồn gốc;

- Phát triển chăn nuôi gắn với bảo vệ môi trường.

c) *Về lâm nghiệp:* Phát triển lâm nghiệp bền vững, gắn với bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, nâng cao giá trị kinh tế – xã hội – môi trường của rừng; hình thành kinh tế lâm nghiệp hiện đại, góp phần bảo đảm an ninh sinh thái, ứng phó biến đổi khí hậu và cải thiện đời sống người dân vùng rừng, miền núi.

d) *Về thủy sản:* Phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững, hiện đại và có sức cạnh tranh cao, đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường sinh thái; khai thác hiệu quả tiềm năng mặt nước, góp phần bảo đảm an ninh lương thực, tạo việc làm.

5.8.2. Định hướng quy hoạch ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

- Định hướng quy hoạch đất cho phát triển cụm công nghiệp, kêu gọi thu hút nhà đầu tư vào xây dựng cụm công nghiệp;

- Hoàn thành xây dựng các nhà máy thủy điện trên địa bàn xã;
- Khai thác khoáng sản trên địa bàn xã (đá, cát, ...);
- Phát triển công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, giúp nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm nông nghiệp;
- Hình thành chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp;
- Khuyến khích phát triển làng nghề truyền thống (gốm, mây tre, dệt, chạm khắc, chế biến thực phẩm...) gắn với du lịch sinh thái và văn hóa;
- Phát triển công nghiệp xanh và bền vững ở nông thôn.

5.8.3. Định hướng phát triển thương mại, dịch vụ

- Phát triển thương mại nội địa kết hợp các loại hình thương mại truyền thống và thương mại hiện đại, phù hợp với từng địa bàn đô thị, nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số;
- Tập trung đầu tư xây dựng các dự án có tính chất trọng tâm, trọng điểm, hỗ trợ tiêu thụ nông sản như: Khu thương mại, chợ đầu mối, nhằm tăng khả năng tiếp cận giữa người bán và người mua, đẩy mạnh tiêu thụ nông sản một cách bền vững; sớm hoàn thành các trung tâm Logistics, nhằm hỗ trợ tạo thuận lợi cho lưu thông hàng hóa;
- Hình thành hệ thống bán buôn, bán lẻ, phân bố hài hoà đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân; phát huy lợi thế của từng địa phương.

5.8.4. Định hướng phát triển du lịch: Phát triển du lịch, dịch vụ, vui chơi, giải trí, văn hoá, tâm linh, bảo tồn phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hoá, tôn giáo,... và bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc Thái trắng, Thái đen...

5.9. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật

5.9.1. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật

a) Định hướng phát triển mạng lưới giao thông

- Định hướng phân bố không gian phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải và hạ tầng logistics; xác định quy mô, mạng lưới đường, luồng, tuyến của hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải và hạ tầng logistics;
- Định hướng kết nối giữa các phương thức vận tải, giữa hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trong và ngoài tỉnh; kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải với hệ thống đô thị và các khu vực nông thôn, hệ thống cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi và các hệ thống kết cấu hạ tầng khác;
- Định hướng phân bổ, bố trí sử dụng đất cho phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải và hạ tầng logistics;
- Cập nhật và xây dựng danh mục các dự án quan trọng các cấp (*theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành*) theo thứ tự ưu tiên;
- Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng logistics.

b) Định hướng phát triển mạng lưới cấp điện

- Xác định nhu cầu điện của xã;
- Xây dựng phương án phát triển mạng lưới điện: Nguồn điện, lưới điện, phương án liên kết lưới điện giữa vùng với các khu vực trong tỉnh và với các tỉnh lân cận;
- Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển các công trình năng lượng, điện lực;
- Cập nhật và xây dựng danh mục các dự án quan trọng các cấp (*theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành*) theo thứ tự ưu tiên;
- Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng cung cấp năng lượng, điện.

c) Định hướng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

- Định hướng phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông, thị trường viễn thông, công nghệ và dịch vụ viễn thông; Phương án phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, phát thanh truyền hình; phương án phát triển mạng bưu chính công cộng; phương án phát triển công nghiệp công nghệ thông tin; phương án phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh; các chỉ tiêu phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ quy hoạch;
- Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển kết cấu hạ tầng thông tin và truyền thông trong vùng quy hoạch và các công trình có liên quan đến phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông;
- Cập nhật và xây dựng danh mục các dự án quan trọng các cấp (*theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành*) theo thứ tự ưu tiên;
- Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông.

d) Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng cấp, thoát nước

- Xác định mối quan hệ vùng về cấp nước; xác định chỉ tiêu cấp nước, nhu cầu dùng nước phù hợp cho các đối tượng dùng nước khu vực đô thị, nông thôn, CCN...; phân tích và lựa chọn nguồn cấp nước, phân vùng, khu vực cấp nước; xác định vị trí, quy mô, công suất các nhà máy nước...;
- Xác định mối quan hệ vùng về thoát nước, hệ thống tiêu thoát nước các lưu vực sông, suối, các khu vực trong vùng; vị trí, quy mô công suất các trạm, nhà máy xử lý nước thải (*nếu có*) và xác định nhu cầu sử dụng đất cho các công trình thoát nước...;
- Xây dựng phương án phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng cấp, thoát nước và xử lý nước thải đảm bảo sự liên kết giữa hệ thống kết cấu hạ tầng cấp, thoát nước và xử lý nước thải với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực có liên quan trong vùng để đảm bảo tính bền vững và hiệu quả của công trình; xây dựng mới, tôn tạo giữ gìn nguồn nước, tích trữ, cân đối, điều hòa, phân phối nguồn nước;

- Định hướng nhu cầu sử dụng đất phục vụ xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình cấp, thoát nước và các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn sinh thái có liên quan đến phát triển kết cấu hạ tầng cấp, thoát nước và xử lý nước thải;

- Cập nhật và xây dựng danh mục các dự án quan trọng các cấp (*theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành*) theo thứ tự ưu tiên;

- Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng cấp, thoát nước và xử lý nước thải.

đ) Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi

- Xác định, cảnh báo những vùng có nguy cơ ảnh hưởng do thiên tai sạt lở đất, lũ ống, lũ quét do biến đổi khí hậu gây ra;

- Xác định, phân vùng thủy lợi phù hợp với nguyên tắc quản lý nguồn nước theo lưu vực sông, suối;

- Rà soát, cập nhật, bổ sung phương án phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi và đảm bảo sự liên kết giữa hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực có liên quan trong vùng đảm bảo tính bền vững và hiệu quả của các công trình;

- Định hướng nhu cầu sử dụng đất phục vụ xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai và các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn sinh thái có liên quan đến phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi;

- Cập nhật và xây dựng danh mục các dự án quan trọng các cấp (*theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành*) theo thứ tự ưu tiên;

- Rà soát, cập nhật, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi.

e) Định hướng phát triển các khu xử lý chất thải

- Phương án phát triển mạng lưới thu gom, xử lý và quản lý chất thải rắn đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Dự báo các nguồn phát thải, thành phần, tính chất và tổng khối lượng các loại chất thải rắn đến năm 2045;

- Đề xuất phương thức lưu giữ, phân loại chất thải rắn tại nguồn; phương án tái chế, tái sử dụng chất thải rắn phát sinh từ sinh hoạt, sản xuất công nghiệp, y tế, xây dựng và các ngành dịch vụ;

- Xác định và phân vùng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trong vùng; xác định phương thức thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn;

- Xây dựng phương án phát triển cơ sở hạ tầng thu gom, xử lý và quản lý chất thải rắn;

- Định hướng bố trí sử dụng đất cho các hoạt động thu gom, xử lý và quản lý chất thải rắn và các công trình có liên quan đến phát triển hạ tầng thu gom, xử lý và quản lý chất thải rắn;

- Cập nhật và xây dựng danh mục các dự án quan trọng các cấp (*theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành*) theo thứ tự ưu tiên;

- Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp quản lý chất thải rắn theo phương án xử lý chất thải rắn.

g) Định hướng phát triển các nghĩa trang, nghĩa địa

- Phương án phát triển nghĩa trang, nghĩa địa đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Dự báo nhu cầu sử dụng đất nghĩa trang đến năm 2045;

- Đề xuất phương án quy hoạch nghĩa trang, trên cơ sở các nghĩa trang hiện có để quy hoạch mới, quy hoạch mở rộng, chỉnh trang hoặc đóng cửa;

- Cập nhật và xây dựng danh mục các dự án quan trọng các cấp (*theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành*) theo thứ tự ưu tiên;

- Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp quản lý nghĩa trang.

h) Định hướng phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy: Định hướng phát triển trục giao thông, tuyên truyền dẫn cấp nước, tuyên thông tin viễn thông phục vụ phòng cháy, chữa cháy và mạng lưới trụ sở đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

5.9.2. Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội

a) Định hướng phát triển cơ sở hạ tầng giáo dục - đào tạo

- Định hướng phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng giáo dục – đào tạo.

- Định hướng đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng giáo dục - đào tạo;

- Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng giáo dục - đào tạo;

- Cập nhật và xây dựng danh mục dự án quan trọng theo thứ tự ưu tiên;

- Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng cho giáo dục - đào tạo.

b) Định hướng phát triển hạ tầng y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân

- Định hướng phát triển mạng lưới hạ tầng y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân;

- Định hướng đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng y tế và chăm sóc sức khỏe;

- Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng y tế và chăm sóc sức khỏe;

- Cập nhật và xây dựng danh mục dự án quan trọng theo thứ tự ưu tiên;

- Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

c) Định hướng phát triển cơ sở hạ tầng khoa học - công nghệ

- Định hướng phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng khoa học - công nghệ;
- Định hướng đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng khoa học - công nghệ;
- Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng khoa học - công nghệ;
- Cập nhật và xây dựng danh mục dự án quan trọng theo thứ tự ưu tiên;
- Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng khoa học - công nghệ trong thời hạn quy hoạch.

d) Định hướng phát triển thiết chế văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí

- Định hướng phát triển thiết chế văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí;
- Định hướng đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển thiết chế văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí;
- Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí của vùng, của cấp tỉnh, cấp xã và đến cấp bản, tiểu khu;
- Cập nhật và xây dựng danh mục các dự án quan trọng các cấp (*theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành*) theo thứ tự ưu tiên;
- Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng thiết chế văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí.

e) Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng, cơ sở dịch vụ việc làm và hạ tầng xã hội khác thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội trên địa bàn (nếu có).

5.10. Định hướng phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên

- Phân vùng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên trong vùng.
- Khoanh định chi tiết khu vực mỏ, loại tài nguyên khoáng sản cần đầu tư thăm dò, khai thác và tiến độ thăm dò, khai thác;
- Xây dựng danh mục dự án quan trọng theo thứ tự ưu tiên.

5.11. Luận cứ và xác định chương trình, dự án ưu tiên đầu tư: Xác định rõ các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn xã và kế hoạch thực hiện cụ thể theo từng năm, từng giai đoạn. Dự kiến nhu cầu vốn và các nguồn lực thực hiện (*làm rõ nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách, nguồn vốn khác...*).

5.12. Đề xuất giải pháp thực hiện quy hoạch: Đề xuất các giải pháp thực hiện quy hoạch đảm bảo việc thực hiện quy hoạch hiệu quả.

5.13. Đề xuất các giải pháp về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên

và đa dạng sinh học

- Đánh giá về hiện trạng môi trường và xu thế diễn biến các thành phần môi trường tự nhiên từ đó đánh giá tổng hợp về hiện trạng môi trường;
- Đánh giá các tác động môi trường khi thực hiện quy hoạch xây dựng;
- Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường:
 - + Phân vùng bảo vệ môi trường;
 - + Các quy định về môi trường và vùng đệm cảnh quan đối với từng khu vực;
 - + Các giải pháp quản lý và giảm thiểu tác động môi trường;
 - + Chương trình quan trắc, giám sát môi trường.
- Đề xuất phương án phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp trong vùng;
- Đề xuất phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn;
- Đề xuất phương án phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trong vùng.

6. Các yêu cầu về Hồ sơ, sản phẩm quy hoạch

- Thành phần hồ sơ, quy cách và định dạng của hồ sơ: Thực hiện theo Điều 2, Điều 12, Phụ lục I và II Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật quy hoạch đô thị và nông thôn (*được sửa đổi tại khoản 1, khoản 2 và khoản 7 Điều 1 Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025*).

- Số lượng hồ sơ quy hoạch: 07 bộ.

7. Các yêu cầu, nguyên tắc về lấy ý kiến: Thực hiện theo quy định tại Điều 36, Điều 37 và quy định của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024 và các quy định của pháp luật hiện hành.

(Có Thuyết minh nhiệm vụ Quy hoạch chung kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND xã Muối Nọi (cơ quan tổ chức lập quy hoạch):

- Tổ chức lập Đồ án Quy hoạch chung xã Muối Nọi, tỉnh Sơn La đến năm 2045 đảm bảo tiến độ, chất lượng và các quy định hiện hành. Chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng, nội dung, số liệu trình phê duyệt.

- Về dự toán kinh phí lập quy hoạch: Trên cơ sở Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, UBND xã Muối Nọi có trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành; không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực, đơn thư, kiến nghị trong quá trình thực hiện.

2. Sở Xây dựng thẩm định nội dung Quy hoạch chung xã Muối Nọi, tỉnh Sơn La đến năm 2045 theo các quy định hiện hành; Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh về nội dung, số liệu thẩm định.

3. Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí nguồn vốn để phục vụ công tác lập Đồ án quy hoạch.

4. Các Sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực ngành phụ trách có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ UBND xã Muối Nổi trong việc cung cấp thông tin, số liệu, nội dung phục vụ công tác lập Đồ án quy hoạch.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND xã Muối Nổi; Thủ trưởng các ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cơ quan UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 3;
- Văn phòng UBND tỉnh (LĐVP; THKT);
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, THKT, Giang26b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Tiến